

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG CHI TIẾT LỘ GIỚI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI HỆ THỐNG
ĐƯỜNG XÃ, ĐƯỜNGẤP, LIÊNẤP DO XÃ QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TÂN PHƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước)

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Cấp đường qui hoạch	Từ tìm đường ra mỗi bên (m)	Toàn hành lang (m)
I	TOÀN HUYỆN		104 tuyến	349,3			
I.1	TT Mỹ Phước		6 tuyến	5,7			
1	Đường lộ Tám Nghi	ĐT 867	Kinh Cà Dăm	1	Cấp V	7,5	15
2	Đường Đông Nguyễn Tấn Thành	Kho lương thực	Kênh Sáu Đò	0.9	Cấp V	7,5	15
3	Đường Nam Nguyễn Văn Tiếp	Kho lương thực	Kênh Lãi	1	Cấp V	7,5	15
4	Đường Lộ Kinh 5	ĐT 865	Đê NT Nguyễn Phùng	0.3	Cấp V	4	8
5	Đường kênh Lộ Mới	ĐT 865	Kênh 500	0.8	Cấp V	5	10
6	Đường Cà Dăm	Kinh Tám Nghi	Lộ Thanh Niên	1.7	Cấp V	6	12
I.2	Xã Mỹ Phước		7 tuyến	27,2			
1	Đường Rạch Đào	ĐT 865	Trương Văn Sanh	5	Cấp V	10	20
2	Đường kênh 500	ĐT 867	Kênh Bà Rảnh	2.2	Cấp V	10	20
3	Đường kinh Chấn Lửa	ĐT 867	Kênh Bà Rảnh	2.2	Cấp V	10	20
4	Đường kinh 4m	Kênh 24	Rạch Đình	2.5	Cấp V	10	20
5	Đường kinh Bà Rảnh	ĐT 865	Trương Văn Sanh	5.1	Cấp V	10	20
6	Đường kinh 1000	ĐT 867	Trương Văn Sanh	5.1	Cấp V	10	20
7	Đường kinh Bao Ngạn	ĐT 867	Rạch Đào	5.1	Cấp V	10	20
I.3	Xã Thạnh Mỹ		8 tuyến	34,3			
1	Đường kênh Ông Địa	ĐT 867	Kênh 82	4	Cấp V	10	20

2	Đường Bắc Tràm Mù	ĐT 867	Kênh 82	4	Cấp V	10	20
3	Đường Bắc Trương Văn Sanh	ĐT 867	Kênh 82	4	Cấp V	10	20
4	Đường Trung Tâm	ĐT 867	Kênh 82	4	Cấp V	10	20
5	Đường kênh Lộ Mới	Đầu Tràm Mù	Bắc Đông	3.2	Cấp V	10	20
6	Đường kinh 82	Trương Văn Sanh	Bắc Đông	5.5	Cấp V	10	20
7	Đường kênh 500	Trương Văn Sanh	Tràm Mù	2.8	Cấp V	10	20
8	Kênh Ranh Thạnh Mỹ	Trương Văn Sanh		6.8	Cấp V	10	20
I.4	Xã Thạnh Tân		19 tuyến	77,25			
1	Đông Kinh Tây	Trương Văn Sanh	Bắc Đông	6.8	Cấp V	10	20
2	Bắc Trương Văn Sanh	Ranh Thạnh Mỹ	K Lâm Nghiệp	4.75	Cấp V	10	20
3	Đường Kênh Ranh	Tràm Mù	Bắc Đông	3	Cấp V	10	20
4	Đường Kênh Trục	Trương Văn Sanh	Kênh 5000 BĐ	6.8	Cấp V	10	20
5	Đường K Xáng số 1	Kênh Tây	Kênh Trục	2.8	Cấp V	10	20
6	Đường K Xáng số 2	Trương Văn Sanh	Kênh 5000 BĐ	6.8	Cấp V	10	20
7	Đường K Xáng số 3	Kênh Ranh	Kênh Trục	3.5	Cấp V	10	20
8	Đường K Xáng số 4	Kênh Ranh	Kênh Trục	3.5	Cấp V	10	20
9	Đường K Xáng số 5	Kênh Tây	Kênh Trục	2.8	Cấp V	10	20
10	Đường kênh 500	Kênh Tây	Kênh Trục	2.8	Cấp V	10	20
11	Đường Bắc Tràm Mù	K Ranh T Mỹ	K Ranh L Nghiệp	5	Cấp V	10	20
12	Đường kênh 500	Kênh Tây	Kênh Ranh LN	3.5	Cấp V	10	20
13	Đường kinh 1000	Kênh Tây	Kênh Ranh LN	3.5	Cấp V	10	20
14	Đường kinh 1500	Kênh Tây	Kênh Ranh LN	3.5	Cấp V	10	20
15	Đường kinh 2000	Kênh Tây	Kênh Ranh LN	3.2	Cấp V	10	20
16	Đường kinh TT 3	Kênh Tây	K Ranh LN	3.1	Cấp V	10	20
17	Đường kinh TT 2	Kênh Tây	K Ranh LN	3	Cấp V	10	20
18	Đường kinh 200	Kênh Tây	K Ranh TM	5.2	Cấp V	10	20
19	Đường kinh Bắc T - V - S	Kênh Ranh	Kênh Ranh LN	3.7	Cấp V	10	20
I.5	Xã Thạnh Hòa		8 tuyến	15,9			
1	Đường kinh giữa kinh 1	Tràm Mù	Nông trường 30/4	1.7	Cấp V	10	20

2	Đường Đông kinh 2	Tràm Mù	Nông trường 30/4	1.7	Cấp V	10	20
3	Đường kinh giữa kinh 2	Tràm Mù	Nông trường 30/4	1.7	Cấp V	10	20
4	Đường kinh 3	Tràm Mù	Nông trường 30/4	1.7	Cấp V	10	20
5	Đường kinh 500	Tràm Mù	Nông trường 30/4	1.7	Cấp V	10	20
6	Đường kinh 4	Tràm Mù	Nông trường 30/4	1.7	Cấp V	10	20
7	Đường kinh Lâm Nghiệp	Tràm Mù	Nông trường 30/4	1.7	Cấp V	10	20
8	Đường Bắc Tràm Mù	Kinh 1	K Lâm Nghiệp	4	Cấp V	10	20
I.6	Xã Hưng Thạnh		8 tuyến	32,9			
1	Đường Đông Cống Bọng	ĐT 865	Trương Văn Sanh	3.8	Cấp V	10	20
2	Đường Tây Tràm Sập	ĐT 865	Trương Văn Sanh	4.3	Cấp V	10	20
3	Đường Bắc kinh 500	Rạch đình	Tràm Sập	7.5	Cấp V	10	20
4	Đường Đông đường bộ	ĐT 865	Bao Ngạn	1.8	Cấp V	10	20
5	Đường Nam kinh 4m	Cống Bọng	Rạch Đình	5.7	Cấp V	10	20
6	Đường Đông Cống Đình	ĐT 865	Kinh Trương Văn Sanh	1.2	Cấp V	10	20
7	Đường Nam Nguyễn Văn Tiếp	Kinh xáng đồn	Ranh Phú Mỹ	7.2	Cấp V	10	20
8	Đường Đông Kinh Năng	Nguyễn Văn Tiếp	Kinh 7 (NT)	1.4	Cấp V	10	20
I.7	Xã Phú Mỹ		6 tuyến	15,1			
1	Đường Đông Cầu Quán	Đê 19/5	Ô Tư Hóa	1.2	Cấp V	10	20
2	Đường Tây Cầu Quán	Đê 19/5	Ranh T-H-T	1.5	Cấp V	10	20
3	Đường đê liên ấp Phú Hữu	Cầu Phú Mỹ	Cầu Đức	3.2	Cấp V	10	20
4	Đường Tràm Sập	Cầu Tràm Sập	Rạch Láng Cát	4.7	Cấp V	10	20
5	Đường Cây Da	Kinh 30/4	Ngã ba Láng Cát	2	Cấp V	10	20
6	Đường Nam Láng Cát	Ngã ba Láng Cát	K Thảo Đường	2.5	Cấp V	10	20
I.8	Xã Tân Hòa Thành		12 tuyến	25,0			
1	Đường kinh Quảng Thọ	Nhà Năm Ca	R Tân Lý Đông	2.5	Cấp V	10	20
2	Đường Trường học ấp 1 XĐ	Kinh Quảng Thọ	Ấp 4	2.5	Cấp V	10	20
3	Đường liên ấp	Miêu bà ấp 1	Kênh Năng	4.5	Cấp V	10	20
4	Đường Trường học N-V-T	ĐT 866	Trụ điện T Vinh	2.5	Cấp V	10	20
5	Đường Tân Vinh	ĐT 866	Đê 19/5	2.5	Cấp V	10	20

6	Đường Tràm Một	ĐT 866	Tràm Một	1.5	Cấp V	10	20
7	Đường Cổng Ba Lu	ĐT 866	Kinh Ruột	1.2	Cấp V	10	20
8	Đường kinh Chùa	ĐT 866	Đầu Giồng	2	Cấp V	10	20
9	Đường kinh Chợ	ĐT 866	Cầu Thầy Gân	1.9	Cấp V	10	20
10	Đường Ông Lão	Kinh Quảng Thọ	Xóm đình-Ấp 4	1.5	Cấp V	10	20
11	Đường xóm Mồ Côi	ĐT 866	Rạch Long An	1.2	Cấp V	10	20
12	Đường Con Lương	Kinh Quảng Thọ	Lộ Ấp 4	1.2	Cấp V	10	20
I.9	Xã Tân Hòa Đông		4 tuyến	24,5			
1	Đường kinh Ông Địa	Láng Cát	Kinh 82	6.5	Cấp V	10	20
2	Đường kinh 84	Bắc Đông	Trương Văn Sanh	4.6	Cấp V	10	20
3	Đường kinh 500	Kinh 82	Láng Cát	6.2	Cấp V	10	20
4	Đường Nam kinh Tràm Mù	Kinh 82	Láng Cát	7.2	Cấp V	10	20
I.10	Xã Tân Hòa Tây		5 tuyến	19,55			
1	Đường kinh 500	Kinh Mới	Bờ bao Phú Cường	7.2	Cấp V	10	20
2	Đường kinh 1000	Kinh Mới	Kinh Kho	3.85	Cấp V	10	20
3	Đường kinh Kho	ĐT 865	Trương Văn Sanh	3.2	Cấp V	10	20
4	Đường kinh Cái Đồi	ĐT 865	Trương Văn Sanh	2.9	Cấp V	10	20
5	Đường kinh Bao Tràm	Rạch Phú Cường	K Bà Rãnh	2.4	Cấp V	10	20
I.11	Xã Phước Lập		9 tuyến	36,1			
1	Đường Cà Dăm	Kinh 2	Kinh Tám Nghi	4.7	Cấp V	10	20
2	Đường Nam N-V-T	Kinh 10	Kinh Sáu Âu	4.5	Cấp V	10	20
3	Đường kinh Ba Phó	Kinh Nguyễn T T	N - V - T	2.7	Cấp V	10	20
4	Đường kinh Tám Thước	Kinh Nguyễn T T	Sáu Âu	3.4	Cấp V	10	20
5	Đường Đông kinh Tuyến 4	Kinh Nguyễn T T	Kinh 1	6	Cấp V	10	20
6	Đường Tây kinh Sáu Âu	Kinh Nguyễn V T	Kinh 1	6	Cấp V	10	20
7	Đường Tây kinh Tuyến 2	Kinh 7	Kinh 8 thước	6.3	Cấp V	10	20
8	Đường kinh 5	ĐT 867	Cà Dăm	1.1	Cấp V	10	20
9	Đường kinh 7	ĐT 867	Cà Dăm	1.4	Cấp V	10	20
I.12	Xã Tân Lập I		6 tuyến	17,7			

1	Đường Đông kinh Năng	Lộ 30/4	Kinh Thầy Lục	2.2	Cấp V	10	20
2	Đường kinh Thầy Lục	Nam kinh 2	Giáp Tân Lý Đông	3.5	Cấp V	10	20
3	Đường Bắc kinh 2	Kinh Năng	Kinh Sáu Âu	4	Cấp V	10	20
4	Đường Nam Kinh 2	Kinh Năng	Kinh Sáu Âu	3.5	Cấp V	10	20
5	Đường Đông Sáu Âu	Kinh 2	Kinh 1	2.2	Cấp V	10	20
6	Đường đê ADB	Lộ 30/4	Kinh tuần 10	2.3	Cấp V	10	20
I.13	Xã Tân Lập II		6 tuyến	18,1			
1	Đường kinh Sáng Đồn	Kinh 3	Nguyễn Văn Tiếp	2.7	Cấp V	10	20
2	Đường kinh Tuyến 7	Đê 514	Nguyễn Văn Tiếp	3.7	Cấp V	10	20
3	Đường kinh Sáu Âu	Đê 514	Nguyễn Văn Tiếp	3.7	Cấp V	10	20
4	Đường Bắc Kinh 3	UB xã TL II	Kinh Năng	2.5	Cấp V	10	20
5	Đường kinh Kháng Chiến	Kinh Năng	Kinh Sáng Dồn	3	Cấp V	10	20
6	Đường Nam N-V-T	Sáng Dồn	Kinh Sáu Âu	2.5	Cấp V	10	20

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

Phạm Nhật Ánh